TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST Ngày 13/8/2025 V/v "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Quỳnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Ngân**

Bà **Lê Ngọc Lan**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Thị Thư –** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L –** Sinh ngày 24/10/1981

Trú tại: Tổ A H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa).

Chỗ ở: A N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Lê Minh Q** − Sinh ngày 09/6/178

Trú tại: Tổ A H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa).

Chỗ ở: A N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Lê Minh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết

hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) năm 2020.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q không quan tâm yêu thương bà, thường xuyên nhậu nhẹt rồi về nhà ghen tuông bóng gió, chửi bới, xúc phạm, đe dọa, đánh đập bà. Ông Q cũng không lo lắng quan tâm đến kinh tế gia đình, bỏ mặc bà tự gánh vác lo toan mọi việc. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn chịu đựng với hy vọng ông Q thay đổi để vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc hơn. Tuy nhiên ông Q vẫn chứng nào tật ấy. Vì vậy, bà đã dọn ra ngoài thuê nhà để sống, vợ chồng đã ly thân khoảng từ tháng 8/2024 đến nay. Nay bà thấy không còn tình cảm gì với ông Q nữa, vì vậy bà yêu cầu ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Minh Q trình bày: Ông và bà Lê Thị L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn như bà L đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên cuộc sống cũng có những mâu thuẫn, cải vã, xung đột, đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt chưa đến mức phải ly hôn. Ông vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị L và ông Lê Minh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị L được ly hôn với ông Lê Minh Q; về con chung: Không có nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn; bị đơn ông Lê Minh Q trú tại phường B, tỉnh Khánh Hòa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Lê Minh Q tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V, thành phố N (nay là phường B) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 05 tháng 10 năm 2020 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà L và ông Q phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau, không thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ cho nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà L xác định không còn tình cảm với ông Q nên kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông Q cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, xung đột nhưng nhỏ nhặt, chưa đến mức phải ly hôn. Ông Q không đồng ý ly hôn vì còn thương bà L nhưng không đưa ra được giải pháp nào thuyết phục để hàn gắn tình cảm gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho hai bên thời gian để tự thương lượng, gắn kết lại tình cảm nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã triệu tập ông Q nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng ông Q đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông Q có thái độ bỏ mặc, không còn thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà L. Bà L và ông Q đã sống ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Q là có thật và đã thực sự trầm trọng, việc kéo dài đời sống chung không đem lại hạnh phúc cho hai bên. Do đó, yêu cầu của xin ly hôn của bà L là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Minh Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Minh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn ông Lê Minh Q.

2. Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Minh Q không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Lê Minh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003673 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Khánh Hòa). Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường B
(GCNKH số 114 ngày 05/10/2020 của UBND phường V, TP Nha Trang);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Trang

.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Ngân **Lê Ngọc Lan** **Lê Thị Quỳnh Trang**